|  |  |
| --- | --- |
| BỘ MÔN: VĂNKHỐI LỚP: 11TUẦN: 1/HK1 (từ **20/9/2021 đến 25/9/2021**) |  |

**TRƯỜNG THPT PHÚ NHUẬN**

 **PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

**I. Nhiệm vụ tự học, nguồn tài liệu cần tham khảo:**

 **1. Nội dung 1: Thương vợ**

 **2. Nội dung 2: Phân tích đề, lập dàn ý bài văn nghị luận**

 **3. Nội dung 3: Thao tác lập luận phân tích và luyện tập**

 **4. Nội dung 4: Đọc thêm Khóc Dương Khuê; Vịnh khoa thi Hương**

 \* Nguồn tài liệu cần có: SGK tập 1 hoặc SGK điện tử

**II. Kiến thức cần ghi nhớ:**

**1. Nội dung 1: Thương vợ - Tú Xương**

HS cần đạt được:

**-** Cảm nhận được hình ảnh bà Tú: vất vả, đảm đang, thương yêu và lặng lẽ hi sinh vì chồng con.

- Cảm nhận được tình cảm thương yêu, quý trọng của tác giả dành cho người vợ tận tụy. Qua những lời tự trào, thấy được vẻ đẹp nhân cách và hiểu được tâm sự của Trần Tế Xương.

- Chỉ ra điểm đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ: từ ngữ giản dị, tự nhiên, giàu sức biểu cảm; vận dụng sáng tạo hình ảnh, ngôn ngữ của văn học dân gian; sự kết hợp giữa giọng điệu trữ tình và tự trào.

Chú ý những vấn đề sau

**1.1. Tìm hiểu chung**

- HS đọc phần Tiểu dẫn trong sgk trang 29, tìm hiểu những nét chính về Tác giả, tác phẩm “*Thương vợ*”, văn bản.

**1.2. Đọc hiểu văn bản**

HS cần nắm được những nội dung sau và tập trung làm rõ tình cảm thương yêu, quý trọng của tác giả dành cho người vợ tận tụy.

**1.2.1. Hai câu đề**

Kể về công việc làm ăn và gánh nặng mà bà Tù phải đảm đang:

- *Quanh năm* : Cách tính thời gian vất vả, triền miên, hết năm này sang năm khác.

- *Mom sông* : Địa điểm làm ăn cheo leo, nguy hiểm, không ổn định.

- *Nuôi đủ 5 con… 1 chồng* : Bà Tú nuôi 6 miệng ăn. Ông Tú tự coi mình như một thứ con riêng đặc biệt (Một mình ông = 5 người khác).

🡪 Lòng biết ơn sâu sắc công lao của bà Tú đối với cha con ông Tú. Lòng vị tha cao quí của bà càng thêm sáng tỏ.

**1.2.2. Hai câu thực**

Đặc tả cảnh làm ăn vất vả để mưu sinh của bà Tú.

- *Lặn lội thân cò*: Vất vả, đơn chiếc khi kiếm ăn.

- *Quãng vắng, đò đông*: Cảnh kiếm sống chơi vơi, nguy hiểm.

- *Eo sèo*: Chen lấn, xô đẩy, vì miếng cơm manh áo của chồng con mà đành phải rơi vào cảnh liều lĩnh cau có, giành giật.

- Nghệ thuật đảo ngữ: Sự vất vả, sự hi sinh lớn lao của bà Tú đối với gia đình

🡪 Nói bằng tất cả nỗi chua xót. Thấm đẫm tình yêu thương.

**1.2.3. Hai câu luận**

- *Một duyên / năm nắng*

*- Hai nợ / mười mưa*

*- Âu đành phận / dám quản công*

🡪 Câu thơ như một tiếng thở dài cam chịu. Cách sử dụng phép đối, thành ngữ, từ ngữ dân gian, bộc lộ kiếp nặng nề nhưng rất mực hi sinh của bà Tú.

- Dùng số từ tăng tiến: 1-2-5-10: Đức hi sinh thầm lặng cao quí. Bà Tú hiện thân của một cuộc đời vất vả, lận đận. Ở bà hội tụ tất cả đức tính tần tảo đảm đang, nhẫn nại. Tất cả hi sinh cho chồng con.

🡪 Ông Tú hiểu được điều đó có nghĩa là vô cùng thương bà Tú. Nhân cách của Tú Xương càng thêm sáng tỏ.

**1.2.4. Hai câu kết**

- Tú Xương tự chửi mình vì cái tội làm chồng mà hờ hững, để vợ phải vất vả lặn lội kiếm ăn. Ông vừa cay đắng vừa phẫn nộ.

- Tú Xương chửi cả xã hội, chửi cái thói đời đểu cáng, bạc bẽo để cho bà Tú vất vả mà vẫn nghèo đói.

- Từ tấm lòng thương vợ đến thái độ đối với xã hội.

=> Nhân cách của Tú Xương ân tình, nhân ái, chân thật.

**1.3. Tổng kết**

**1.3.1. Nội dung**

Chân dung người vợ trong cảm xúc yêu thương cùng tiếng cười tự trào và một cách nhìn về thân phận người phụ nữ của Tú Xương.

**1.3.2. Nghệ thuật**

- Vận dụng sáng tạo ngôn ngữ và thi liệu văn hóa dân gian.

- Kết hợp nhuần nhuyễn giữa trữ tình và trào phúng.

**2. Nội dung 2: Phân tích đề, lập dàn ý bài văn nghị luận**

HS cần đạt được:

- Nắm vững cách phân tích và xác định yêu cầu của đề bài, cách lập dàn ý cho bài viết văn.

- Có ý thức và thói quen phân tích đề, lập dàn ý trước khi làm bài.

2.**1. Phân tích đề**

HS đọc sgk trang 23, tìm hiểu các dạng đề và chú ý đến yêu cầu, nội dung chính của từng đề.

- Đọc kĩ đề nhằm xác định:

+ Nội dung nghị luận: Tìm luận đề

+ Giới hạn dẫn chứng: Trong văn học hay ngoài cuộc sống xã hội.

+ Thao tác nghị luận: Các thao tác cụ thể (phân tích, chứng minh, giải thích, bình luận…)

**2.2 Lập dàn ý**

- Từ kết quả tìm hiểu đề, sắp xếp các ý thành hệ thống theo trình tự lôgíc gồm 3 phần:

+ Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận.

+ Thân bài: Triển khai luận đề bằng những luận điểm.

+ Kết luận: Tóm tắt ý, mở rộng, đánh giá ý nghĩa của vấn đề, rút ra bài học.

**2.3. Ghi nhớ (sgk/24)**

**3. Nội dung 3: Thao tác lập luận phân tích và luyện tập**

HS cần đạt được:

- Nắm được mục đích và yêu cầu của thao tác lập luận phân tích.

- Biết cách phân tích một vấn đề chính trị, xã hội, hoặc văn học.

- Củng cố và nâng cao tri thức về thao tác lập luận phân tích.

- Biết vận dụng thao tác lập luận phân tích trong bài văn nghị luận.

**3.1. Mục đích, yêu cầu của thao tác lập luận phân tích**

HS đọc sgk trang 25, tìm hiểu mục đích, yêu cầu của thao tác lập luận phân tích được biểu hiện qua ngữ liệu sgk cung cấp.

- Lập luận phân tích là chia nhỏ đối tượng thành các yếu tố bộ phận để xem xét nội dung, hình thức và mối quan hệ bên trong cũng như bên ngoài của chúng, rồi khái quát, phát hiện ra bản chất của đối tượng.

- Phân tích bao giờ cũng gắn liền với tổng hợp. Đó là bản chất của thao tác phân tích trong văn nghị luận.

- Yêu cầu của một lập luận phân tích:

+ Xác định vấn đề phân tích.

+ Chia vấn đề thành những khía cạnh nhỏ.

+ Khái quát tổng hợp.

Gợi ý trả lời câu hỏi

- Sở Khanh là kẻ bẩn thỉu, bần tiện, đại diện cho sự đồi bại trong xã hội "Truyện Kiều".

- Để thuyết phục tác giả đã đưa ra các luận cứ làm sáng tỏ cho luận điểm (các yếu tố được phân tích).

+ Sở Khanh sống bằng nghề đồi bại, bất chính.

+ Sở Khanh là kẻ đồi bại nhất trong những kẻ làm cái nghề đồi bại bất chính đó: Giả làm người tử tế để đánh lừa một người con gái ngây thơ, hiếu thảo; trở mặt một cách trân tráo; thường xuyên lừa bịp, tráo trở.

- Thao tác phân tích kết hợp chặt chẽ với tổng hợp: Sau khi phân tích chi tiết bộ mặt lừa bịp, tráo trở của Sở Khanh, tác giả đã tổng hợp và khái quát bản chất của hắn: "Nó là cái mức cao nhất của tình hình đồi bại trong xã hội này".

**3.2. Cách phân tích**

- Cần dựa trên những tiêu chí, quan hệ nhất định: (Quan hệ giữa các yếu tố tạo nên đối tượng, quan hệ nhân quả, quan hệ giữa đối tượng với các đối tượng liên quan, quan hệ giữa người phân tích với đối tượng phân tích).

- Phân tích cần đi sâu vào từng mặt, từng bộ phận nhưng cần lưu ý đến quan hệ giữa chúng với nhau, cần khái quát để rút ra bản chất chung của đối tượng.

Gợi ý trả lời câu hỏi

Mục 1

- Phân chia dựa trên cơ sở quan hệ nội bộ trong bản thân đối tượng - những biểu hiện về nhân cách bẩn thỉu, bần tiện của Sở Khanh.

- Phân tích kết hợp chặt chẽ với tổng hợp: từ việc phân tích làm nổi bật những biểu hiện bẩn thỉu, bần tiện mà khái quát lên giá trị hiện thực của nhân vật này - bức tranh về nhà chứa, tính đồi bại trong xã hội đương thời.

Mục II (1)

- Phân tích theo quan hệ nội bộ đối tượng

- Phân tích theo quan hệ kết quả - nguyên nhân

- Phân tích theo quan hệ nguyên nhân - kết quả

Mục II (2)

- Phân tích theo quan hệ nguyên nhân - kết quả

- Phân tích theo qaan hệ nội bộ của đối tượng

- Phân tích kết hợp chặt chẽ với khái quát tổng hợp

**3.3. Luyện tập**

HS đọc sgk trang 43 và giải bài tập.

**Bài tập 1**

a/ Những biểu hiện và tác hại của thái độ tự ti:

- Giải thích khái niệm tự ti, phân biệt tự ti với khiêm tốn.

+ Tự ti: Tự đánh giá mình kém và thiếu tự tin.

+ Khiêm tốn: Có ý thức và thái độ đúng mức trong việc đánh giá bản thân, không tự mãn tự kiêu, không tự cho mình là hơn người

- Những biểu hiện của thái độ tự ti.

+ Không dám tin tưởng vào năng lực của mình.

+ Nhút nhát tránh chổ đông người.

+ Không dám mạnh dạn đảm nhận công việc được giao.

- Tác hại của thái độ tự ti.

Không dám khẳng định mình.

b/ Những biểu hiện và tác hại của thái độ tự phụ.

- Giải thích khái niệm tự phụ, phân biệt tự phụ với tự tin.

+ Tự phụ: Tự đánh giá quá cao tài năng thành tích, do đó coi thường mọi người.

+ Tự tin: Tin vào bản thân mình.

- Những biểu hiện của thái độ tự phụ.

- Tác hại của thái độ tự phụ.

+ Luôn đề cao quá mức bản thân.

+ Luôn tự cho mình là đúng.

+ Khi làm gì đó lớn lao thì tỏ ra coi thường người khác.

- Tác hại của tự phụ:

Làm cho mọi người xung quanh ghét.

c/ Xác định thái độ hợp lý: Đánh giá đúng bản thân để phát huy mặt mạnh, hạn chế và khắc phục mặt yếu.

**Bài tập 2**

Đoạn văn viết cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

- Nghệ thuật sử dụng từ ngữ giàu hình tượng và cảm xúc qua các từ: Lôi thôi, ậm ọe.

- Đảo trật tự cú pháp.

- Sự đối lập giữa hình ảnh sĩ tử và quan trường.

- Cảm nhận về cảnh thi cử ngày xưa.

🡪 Nên chọn viết đoạn văn theo cấu trúc: Tổng - phân - hợp:

+ Giới thiệu hai câu thơ và định hướng phân tích.

+ Phân tích cụ thể nghệ thuật sử dụng từ ngữ, hình ảnh, phép đảo cú pháp.

+ Nêu cảm nhận về chế độ thi cử ngày xưa dưới chế độ thực dân phong kiến.

**4. Nội dung 4: Đọc thêm Khóc Dương Khuê; Vịnh khoa thi Hương**

- Hiểu nội dung và giá trị nghệ thuật của bài thơ.

**4.1. Khóc Dương Khuê**

- HS đọc phần Tiểu dẫn trong sgk trang 31, tìm hiểu những nét chính về tác phẩm “*Khóc Dương Khuê*”, văn bản.

**4.1.1. Tìm hiểu chung**

- Nguyễn Khuyến: 1835, quê Hà Nam. Dương Khuê: 1839, quê Hà Sơn Bình.

- Hai người kết bạn từ thuở thi đậu, Nguyễn Khuyến bỏ quan về quê, Dương Khuê vẫn làm quan. Nhưng cả hai vẫn giữ tình bạn gắn bó.

- Nghe tin bạn mất, Nguyễn Khuyến làm bài thơ này khóc bạn.

- Bài thơ viết bằng chữ Hán có nhan đề là : *Vãn đồng niên Vân Đình tiến sĩ Dương Thượng thư.* Có bản dịch là *Khóc bạn*. Lâu nay quen gọi là *Khóc Dương Khuê.*

- Sau này tự tác giả dịch ra chữ Nôm.

**4.1.2. Đọc - hiểu văn bản**

**4.1.2.1. Giá trị nội dung**

**a. Nỗi xót xa nghe tin bạn mất**

Câu thơ như tiếng thở dài

- Hư từ: *Thôi* 🡪 Tiếng than nhẹ nhàng, gợi cảm, đau đột ngột khi vừa nghe tin bạn mất.

- Cách xưng hô: *Bác*: Sự trân trọng tình bạn người cao tuổi.

- Hình ảnh: *Man mác, ngậm ngùi* → nỗi mát mát như chia sẻ với đất trời. Nhịp điệu câu thơ cũng tạo nên sự nghẹn ngào chua xót.

🡪 Nghệ thuật nói giảm, cách dùng hư từ và những hình ảnh mang tính tượng trưng, làm nhẹ nỗi đau đớn khi nghe tin bạn mất.

**b. Tình bạn chân thành, thủy chung gắn bó**

Tiếng khóc như giãi bày, làm sông lại những kỉ niệm của tình bạn thắm thiết, hay tiếng khóc mang cảm hứng nhân sinh của kẻ sĩ bất lực trước thời cuộc.

- Cùng thi đậu, cùng vui chơi, cùng nhau uống rượu, cùng gặp nhau một lần, cả hai cùng sống trong cảnh hoạn nạn và cùng đang trong tuổi già.

🡪 Tình bạn keo sơn, thắm thiết. Bộc lộ nỗi niềm trong tâm trạng thầm kín với nỗi đau thời thế.

**c. Nỗi hụt hẫng mất mát**

Mất bạn Nguyễn Khuyến như mất đi một phần cơ thể.

- Muốn gặp bạn nhưng tuổi già không cho phép. Nay bạn mất, đau đớn vô cùng.

- Mất bạn trở nên cô đơn: Rượu không muốn uống, thơ không muốn làm, đàn không gảy, giường treo lên.

- Ngôn ngữ thơ đạt đến mức trong sáng tuyệt vời: Lặp 5 từ *không* trong tổng số 14 từ để diễn tả một cái không trống rỗng đến ghê gớm khi mất bạn.

🡪 Tình bạn già mà vẫn keo sơn, gắn bó.

**4.1.3. Tổng kết**

**4.1.3.1. Nội dung**

Bài thơ giúp ta hiểu về tình bạn thủy chung, gắn bó, hiểu thêm về khía cạnh khác của nhân cách Nguyễn Khuyến.

**4.1.3.2. Nghệ thuật**

Cách sử dụng từ và hình ảnh, sử dụng điển tích, âm điệu của câu thơ song thất lục bát, nhân vật trữ tình tự bộc lộ tâm trạng.

4.2. **Vịnh khoa thi Hương**

- HS đọc phần Tiểu dẫn trong sgk trang 33, tìm hiểu những nét chính về tác phẩm “*Vịnh khoa thi Hương*”, văn bản.

**4.2.1. Tiểu dẫn**

- Đề tài: khoa cử

- Nội dung: Thái độ mỉa mai châm biếm, phẩn uất của nhà thơ đối với chế độ khoa cử nhố nhăng của XHTD nửa phong kiến ở buổi đầu và tâm sự của nhà thơ.

- Hoàn cảnh sáng tác: Sgk

**4.2.2. Đọc - hiểu văn bản**

**4.2.2.1. Nội dung**

**a. Hai cầu đầu: Sự xáo trộn của trường thi**

Thông báo về sự thay đổi trong tổ chức thi cử:

- Bề ngoài thì bình thường: Một kì thi theo đúng thời gian thông lệ: Ba năm một lần.

- Thực chất không bình thường: *Trường Nam thi lẫn trường Hà.* Người tổ chức không phải là triều đình mà là “nhà nước”.

🡪 Cách thức tổ chức bất thường.

- Cách dùng từ: Lẫn -> Mỉa mai, khẳng định một sự thay đổi trong chế độ thực dân cũ, dự báo một sự ô hợp, nhốn nháo trong việc thi cử.

🡪 Thực dân Pháp đã lập ra một chế độ thi cử khác.

**b. Bốn câu tiếp: cảnh trường thi nhốn nháo ô hợp**

- *Lôi thôi, vai đeo lọ*: Hình ảnh có tính khôi hài, luộm thuộm, bệ rạc.

🡪 Nghệ thuật đảo ngữ: *Lôi thôi sĩ tử* thì nhếch nhác lôi thôi - vừa gây ấn tượng về hình thức vừa gây ấn tượng khái quát hình ảnh thi cử của các sĩ tử khoa thi Đinh Dậu.

- Hình ảnh quan trường: ra oai, nạt nộ, nhưng giả dối.

🡪 Nghệ thuật đảo: *ậm ẹo quan trường* - Cảnh quan trường nhốn nháo, thiếu vẻ trang nghiêm, một kì thi không nghiêm túc, không hiệu quả.

- Hình ảnh: Cờ rợp trời - Tổ chức linh đình.

- Hình ảnh quan sứ và mụ đầm: Phô trương, hình thức, không đúng lễ nghi của một kì thi.

🡪 Tất cả báo hiệu một sự sa sút về chất lượng thi cử - bản chất của xã hội thực dân phong kiến.

- Hình ảnh: *Lọng >< váy; trời >< đất; quan sứ >< mụ đầm:* Đả kích, hạ nhục bọn quan lại, bọn thực dân Pháp.

**c. Hai câu cuối: thức tỉnh các kẻ sĩ và nỗi xót xa của nhà thơ trước cảnh nước mất**

- Câu hỏi tu từmang ý nghĩa thức tỉnh các kẻ sĩ và cũng là câu hỏi với chính mình về thân phân kẻ sĩ thời mất nước.

Bộc lộ tâm trạng nhà thơ: Buồn chán trước cảnh thi cử và hiện thực nước nhà.

🡪 Lòng yêu nước thầm kí, sâu sắc của Tế Xương.

**4.2.3. Tổng kết**

**4.2.3.1. Nội dung**

Bài thơ cho người đọc thấy được thái độ trọng danh dự và tâm sự lo nước thương đời của tác giả trước tình trạng thi cử trong buổi đầu chế độ thuộc địa nữa phong kiến.

**4.2.3.2. Nghệ thuật**

- Lựa chọn từ ngữ, hình ảnh, đảo trật tự cú pháp.

- Nhân vật trữ tình tự nhận thức, bộc lộ sự hài hước châm biếm.